PHỤ LỤC 1

Danh sách hộ gia đình có nhà tạm, nhà dột nát đang được hỗ trợ theo các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác đang được triển khai thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 đề nghị hỗ trợ bổ sung theo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2024-2025 để đảm bảo đến hết năm 2025 xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát

(Kèm theo Quyết định số 1355 /QĐ-UBND ngày 06/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Đối tượng thụ hưởng là các hộ đang sinh sống tại nhà tạm, nhà dột nát	Hình thức hỗ trợ		Khả năng đối ứng của các hộ gia đình	Đất dự kiến xây dựng nhà ở, bếp, nhà vệ sinh				Tổng diện tích xây dựng (m2)			Tổng kinh phí xây dựng nhà mới hoặc sửa chữa (triệu đồng)	Biên bản hộ gia đình cam kết làm nhà	Khả năng tự tổ chức xây dựng hoặc sửa chữa	Nội dung sửa chữa	Số tiền được hỗ trợ theo các Chương trình đang được triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)	Số tiền đề nghị hỗ trợ bổ sung theo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (triệu đồng)	Ghi chú
				Xây dựng mới (nhà)	Sửa chữa (nhà)		Đã có GCNQSDĐ hoặc đã chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở	Chưa có GCNQSDĐ hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở		Tổng kinh phí chuyển mục đích sử dụng đất dự kiến (triệu đồng)	Diện tích xây dựng nhà ở	Diện tích xây dựng bếp	Diện tích xây dựng nhà vệ sinh							
								Đã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	**Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt)**																			
I	**Giai đoạn 2021-2023 (đã được hỗ trợ tuy nhiên nhà chưa đảm bảo "3 cứng")**																			
1	Nguyễn Văn A	Thôn a, xã B, huyện C	x	x		có	1 hoặc 2	x							x					
II	**Giai đoạn 2024-2025**																			
1	Nguyễn Văn B	Thôn a, xã B, huyện C	x	x		có	1 hoặc 2	x							x					
B	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo)**																			
I	**Giai đoạn 2021-2023 (đã được hỗ trợ tuy nhiên nhà chưa đảm bảo "3 cứng")**																			
1	Nguyễn Văn A	Thôn a, xã B, huyện C	x	x		có	1 hoặc 2	x							x					
II	**Giai đoạn 2024-2025**																			

1	Nguyễn Văn B	Thôn a, xã B, huyện C	x	x		có	1 hoặc 2	x							x				
C	**Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**																		
I	**Giai đoạn 2021-2023 (đã được hỗ trợ tuy nhiên nhà chưa đảm bảo "3 cứng")**																		
1	Nguyễn Văn A	Thôn a, xã B, huyện C	x	x		có	1 hoặc 2	x							x				
II	**Giai đoạn 2024-2025**																		
1	Nguyễn Văn B	Thôn a, xã B, huyện C	x	x		có	1 hoặc 2	x							x				

Ghi chú:

1) Cột 4: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ đăng ký xây mới nhà. *2) Cột 5: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ đăng ký sửa chữa nhà.*	*Chỉ đánh dấu 1 trong 2 cột (cột 4 đối với hộ đăng ký xây mới; cột 5 đối với hộ gia đình sửa chữa, như: sửa chữa khung nhà, mái nhà...)*

3) Cột 6: Điền có hoặc không, phụ thuộc vào điều kiện các hộ khi rà soát (khả năng đối ứng tiền của hộ gia đình trong việc xây dựng hoặc sửa chữa nhà)

4) Cột 7: Trong trường hợp các hộ đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ là đất ở đánh số 1, đã chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở nhưng chưa có giấy CNQSĐ đánh số 2.

*5) Cột 8: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ **chưa được cấp** giấy chứng nhận QSDĐ **hoặc chưa chuyển mục đích** sử dụng đất sang đất ở nhưng **đã phù hợp** với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

*6) Cột 9: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ **chưa được cấp** giấy chứng nhận QSDĐ hoặc **chưa chuyển mục đích** sử dụng đất sang đất ở nhưng **chưa phù hợp** với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

*7) Cột 10: Dự kiến kinh phí để thực hiện chuyển mục đích sang đất ở **đối với trường hợp** chưa có giấy chứng nhận QSDĐ hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở (lưu ý: Diện tích đất ở tối thiểu tại khu vực đô thị, khu vực trung tâm cụm xã, trung tâm xã, khu vực giáp ranh với đô thị theo quy hoạch được duyệt là 40m2; Diện tích đất ở tối thiểu tại khu vực nông thôn còn lại là 60m2)*

*8) Cột 11: Điền diện tích bao nhiêu m2 phụ thuộc vào số lượng nhân khẩu của hộ gia đình; diện tích ở **tối thiểu là 10m2/người**; Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 30m2 trở lên. Đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m2 trở lên.*

9) Cột 12: Điền diện tích bao nhiêu m2; (Diện tích tham khảo từ 10m2 trở lên).

10) Cột 13: Điền diện tích bao nhiêu m2; (Diện tích tham khảo từ 3m2 đến 5m2).

11) Cột 14: Điền tổng kinh phí xây dựng dự kiến cần xây dựng nhà mới (hoặc sửa chữa)

12) Cột 15: Đánh dấu x các hộ gia đình đã ký biên bản cam kết làm nhà (có biên bản các hộ gia đình gửi kèm theo),

13) Cột 16: Đánh dấu x đối với trường hợp hộ gia đình được hỗ trợ không có khả năng tự thuê người xây nhà (hoặc sửa chữa); ví dụ: như người già, người tàn tật không có họ hàng đứng ra để tổ chức thuê thợ để xây dựng nhà hoặc sửa chữa nhà, cần hỗ trợ từ tổ chức hoặc cá nhân đứng ra tổ chức xây dựng cho,...

14) Cột 17: Các nội dung như đối với sửa chữa nhà ghi rõ sửa chữa phần nào của nhà (khung nhà hoặc mái,....) ***và*** *các nội dung khác (nếu có).*

PHỤ LỤC 2

Danh sách hộ gia đình có nhà tạm, nhà dột nhát chưa được hỗ trợ theo các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác đang được triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025, đề nghị hỗ trợ bổ sung theo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2024-2025 để đảm bảo đến hết năm 2025 xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát

(Kèm theo Quyết định số 1355 /QĐ-UBND ngày 06 /8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Đối tượng thụ hưởng là các hộ đang sinh sống tại nhà tạm, nhà dột nát	Hình thức hỗ trợ		Khả năng đối ứng của các hộ gia đình	Đất dự kiến xây dựng nhà ở, bếp, nhà vệ sinh			Tổng kinh phí chuyển mục đích sử dụng đất dự kiến (triệu đồng)	Tổng diện tích xây dựng (m2)			Tổng kinh phí xây dựng nhà mới hoặc sửa chữa (triệu đồng)	Biên bản hộ gia đình cam kết làm nhà	Khả năng tự tổ chức xây dựng hoặc sửa chữa	Nội dung sửa chữa	Ghi chú
				Xây dựng mới (nhà)	Sửa chữa (nhà)		Đã có GCNQSDĐ hoặc đã chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở	chưa có GCNQSDĐ hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở			Diện tích xây dựng nhà ở	Diện tích xây dựng bếp	Diện tích xây dựng nhà vệ sinh					
								Đã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nguyễn Văn A	Thôn a, xã B, huyện C	x	x		có	1 hoặc 2	x							x			
2																		

Ghi chú:

1) Cột 4: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ đăng ký xây mới *2) Cột 5: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ đăng ký sửa*	*Chỉ đánh dấu 1 trong 2 cột (cột 4 đối với hộ đăng ký xây mới; cột 5 đối với hộ gia đình sửa chữa, như: sửa chữa khung nhà, mái nhà...)*

3) Cột 6: Điền có hoặc không, phụ thuộc vào điều kiện các hộ khi rà soát (khả năng đối ứng tiền của hộ gia đình trong việc xây dựng hoặc sửa chữa nhà)

4) Cột 7: Trong trường hợp các hộ đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ là đất ở đánh số 1, đã chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở nhưng chưa có giấy CNQSĐ đánh số 2.

*5) Cột 8: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ **chưa được cấp** giấy chứng nhận QSDĐ **hoặc chưa chuyển mục đích** sử dụng đất sang đất ở nhưng **đã phù hợp** với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

*6) Cột 9: Đánh dấu x trong trường hợp các hộ **chưa được cấp** giấy chứng nhận QSDĐ hoặc **chưa chuyển mục đích** sử dụng đất sang đất ở nhưng **chưa phù hợp** với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

7) Cột 10: Dự kiến kinh phí để thực hiện chuyển mục đích sang đất ở đối với trường hợp chưa có giấy chứng nhận QSDĐ hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở (lưu ý: Diện tích đất ở tối thiểu tại khu vực đô thị, khu vực trung tâm cụm xã, trung tâm xã, khu vực giáp ranh với đô thị theo quy hoạch được duyệt là 40m2; Diện tích đất ở tối thiểu tại khu vực nông thôn còn lại là 60m2)

8) Cột 11: Điền diện tích bao nhiêu m2 phụ thuộc vào số lượng nhân khẩu của hộ gia đình; diện tích ở ***tối thiểu là 10m2/người****; Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 30m2 trở lên. Đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m2 trở lên.*

9) Cột 12: Điền diện tích bao nhiêu m2; (Diện tích tham khảo từ 10m2 trở lên).

10) Cột 13: Điền diện tích bao nhiêu m2; (Diện tích tham khảo từ 3m2 đến 5m2).

11) Cột 14: Điền tổng kinh phí xây dựng dự kiến cần xây dựng nhà mới (hoặc sửa chữa)

12) Cột 15: Đánh dấu x các hộ gia đình đã ký biên bản cam kết làm nhà (có biên bản các hộ gia đình gửi kèm theo),

13) Cột 16: Đánh dấu x đối với trường hợp hộ gia đình được hỗ trợ không có khả năng tự thuê người xây nhà (hoặc sửa chữa); ví dụ: như người già, người tàn tật không có họ hàng đứng ra để tổ chức thuê thợ để xây dựng nhà hoặc sửa chữa nhà, cần hỗ trợ từ tổ chức hoặc cá nhân đứng ra tổ chức xây dựng cho,...

14) Cột 17: Các nội dung như đối với sửa chữa nhà ghi rõ sửa chữa phần nào của nhà (khung nhà hoặc mái,....) và các nội dung khác (nếu có). Tính ra kinh phí đưa cột 14.

15) Cột 18: Ghi các nội khác nếu các cột không có, nội dung phát sinh… hoặc ghi chú vấn đề nào đó.